

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/DS-ST
Ngày 10-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Lê Thanh Hiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Kim P, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Kim P trình bày:

Vào ngày 20/02/2019 âl bà Nguyễn Thị M có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi, hụi 20.000.000 đồng, hụi gồm 36 chân, bà M tham gia chơi 01 chân, bà M bỏ thăm và hốt hụi vào tháng 4/2021 đến nay bà M không đóng hụi chết cho bà. Bà phải ra tiền để đóng hụi chết cho bà M. Sau đó bà M có gặp bà và làm biên nhận còn nợ lại tiền hụi tổng số tiền 180.000.000 đồng. Bà M hẹn trả cho bà nhưng

không thực hiện. Nay bà P yêu cầu bà M trả số tiền nợ hui 180.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu như trình bày, buộc bị đơn trả cho bà tiền nợ hui là 180.000.000 đồng, bà không yêu cầu về lãi suất. Bà xác định đối với số nợ hui này, bà M là người trực tiếp nợ bà, không liên quan đến người khác nên bà chỉ yêu cầu cá nhân bà M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị M vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập tòa án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn Sông Đốc thì bà Nguyễn Thị M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm 4, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời nhưng đã bỏ địa phương đi, hiện nay không xác định được bà M đang ở đâu. Trong khi theo giấy nhận nợ thì bà M cung cấp địa chỉ tại khóm 4, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Việc bà M thay đổi nơi cư trú nhưng gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng điểm

b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà M.

[3] Xét về chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bị đơn có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng bị đơn không chấp hành. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu trả nợ hui của nguyên đơn: Nguyên đơn xác định có mở dây hui và bị đơn có tham gia chơi hui. Hui chưa mãn, bị đơn chủ động chốt hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn và hiện vẫn còn nợ lại nguyên đơn với số tiền 180.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui là 180.000.000 đồng, nguyên đơn chứng minh việc có tham gia các dây hui bằng danh sách ghi chép thông tin của các hui viên và biên nhận của bà M thừa nhận số tiền nợ hui. Tòa án có tiến hành xác minh những hui viên trong danh sách hui mà nguyên đơn cung cấp và ghi nhận ý kiến trình bày của chị Lê Thị Thanh Huyền, chị Võ Hồng Nhi, chị Dương Thị Thắm, bà Nguyễn Hồng Oanh đều xác định thông tin dây hui đúng như nguyên đơn trình bày, xác định bà M có tham gia các dây hui nêu trên do bà P làm chủ hui và hiện bà M vẫn còn nợ lại bà P tiền hui. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận việc nguyên đơn có tham gia dây hui như nguyên đơn trình bày là thực tế có xảy ra và hiện nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ hui là 180.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng bà M không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số nợ hui mà nguyên đơn yêu cầu.

[5] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên bà P không phải chịu án phí đã dự nộp được nhận lại. Bà M phải chịu án phí sơ thẩm là $180.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.000.000 \text{ đồng}$ là phù hợp theo quy định điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phògng; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim P.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Kim P số tiền nợ hui 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M không thi hành xong khoản tiền trên, bà M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 9.000.000 đồng (chưa nộp). Bà Bùi Kim P không phải chịu án phí. Ngày 28/10/2021 bà P có dự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số tiền 4.500.000 đồng theo biên lai thu số 0004082 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhân lại toàn bộ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan